

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2013

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		172.536.289.340	193.417.786.893
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.756.633.638	35.736.337.211
1.	Tiền	111	4.1	10.441.756.195	19.550.892.550
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2.314.877.443	16.185.444.661
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.2	93.680.683.595	97.972.586.960
1.	Phải thu khách hàng	131		55.285.972.256	79.284.050.220
2.	Trả trước cho người bán	132		25.591.790.579	3.277.563.471
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135		16.613.235.856	19.246.505.165
6.	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.810.315.096)	(3.835.531.896)
IV.	Hàng tồn kho	140	4.3	63.423.833.467	58.303.545.671
1.	Hàng tồn kho	141		63.423.833.467	58.303.545.671
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	4.4	2.675.138.640	1.405.317.051
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		60.837.991	64.250.000
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	60.000.000
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		80.063.829	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		2.534.236.820	1.281.067.051

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2013

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.083.853.878	117.643.537.115
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.638.141.393	30.778.741.393
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		25.638.141.393	30.778.741.393
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.451.560.325	6.830.837.884
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	7.280.027.173	5.984.347.475
- Nguyên giá	222		12.307.268.370	10.387.552.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.027.241.197)	(4.403.204.972)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.6	1.171.533.152	846.490.409
III. Bất động sản đầu tư	240	4.7	802.108.000	802.108.000
- Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.8	68.503.329.075	72.779.345.695
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.519.345.695	72.519.345.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		260.000.000	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.276.016.620)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	4.9	6.688.715.085	6.452.504.143
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		400.058.787	79.701.774
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.288.656.298	6.372.802.369
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		282.620.143.218	311.061.324.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2013

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		141.911.229.673	158.488.342.716
I. Nợ ngắn hạn	310		132.355.429.673	133.461.633.961
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	4.10	4.936.575.200	6.486.471.086
2. Phải trả người bán	312	4.11	28.942.422.206	40.222.343.742
3. Người mua trả tiền trước	313	4.11	41.689.231.922	19.310.179.222
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.12	2.685.778.870	6.398.638.466
5. Phải trả người lao động	315	4.11	1.102.509.431	3.041.149.865
6. Chi phí phải trả	316	4.11	47.067.900.561	47.579.649.705
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.11	3.127.812.529	6.695.681.922
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.11	299.584.821	307.044.673
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.11	2.503.614.133	3.420.475.280
II. Nợ dài hạn	330		9.555.800.000	25.026.708.755
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	4.10	9.555.800.000	25.026.708.755
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.708.913.545	152.572.981.292
I. Vốn chủ sở hữu	410		140.708.913.545	152.572.981.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.13	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2013

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		40.724.043.436	36.724.043.436
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.091.667.202	6.272.578.035
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.14	2.193.202.907	18.876.359.821
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		282.620.143.218	311.061.324.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2013

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
	USD	(V.1) 408,97	408,75
	EUR	(V.1) 3.395,49	3.394,79
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 17 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu

LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám Đốc

TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	31.849.918.292	80.182.424.221	48.345.048.977	90.495.469.815
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		281.061.454	579.581.868	307.940.545	579.581.868
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	31.568.856.838	79.602.842.353	48.037.108.432	89.915.887.947
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	25.464.510.309	63.341.814.331	39.914.169.721	70.287.400.444
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.104.346.529	16.261.028.022	8.122.938.711	19.628.487.503
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	461.631.291	1.825.998.534	4.452.279.819	2.197.253.530
7.	Chi phí tài chính	22	5.4	5.458.327.960	940.664.587	5.636.547.883	1.247.068.008
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>99.696.169</i>	<i>303.910.009</i>	<i>277.916.092</i>	<i>610.313.430</i>
8.	Chi phí bán hàng	24	5.5	753.412.907	581.091.361	1.364.826.102	894.288.938
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	2.903.174.952	5.649.976.748	5.391.579.931	7.252.694.775
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.548.937.999)	10.915.293.860	182.264.614	12.431.689.312
11.	Thu nhập khác	31	5.7	2.388.368.186	1.516.289.607	2.414.693.331	1.531.441.140
12.	Chi phí khác	32	5.8	55.897.722	121.835.720	57.192.714	124.871.720
13.	Lợi nhuận khác	40		2.332.470.464	1.394.453.887	2.357.500.617	1.406.569.420

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2013

Đơn vị tính: Việt Nam đồng (VND)

14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(216.467.535)	12.309.747.747	2.539.765.231	13.838.258.732
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	702.566.063	7.598.438.111	726.444.448	7.980.565.857
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		84.146.071	(3.011.554.721)	84.146.071	(3.011.554.721)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.14	(1.003.179.669)	7.722.864.357	1.729.174.712	8.869.247.596
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(125)	965	216	1.109

Ngày 17 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý II năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		2.539.765.231	13.838.258.732
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		941.744.621	482.766.058
-	Các khoản dự phòng	03		4.243.339.968	2.344.193.758
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.874.864	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(821.329.884)	(2.197.253.530)
-	Chi phí lãi vay	06		277.916.092	610.313.430
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		7.183.310.892	15.078.278.448
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.098.383.194	4.631.357.645
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.120.287.796)	26.032.982.983
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(5.579.003.126)	(28.308.804.217)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(238.128.662)	9.461.187
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(277.916.092)	(610.313.430)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(529.661.382)	(1.419.189.619)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.565.919.398	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(916.861.147)	(182.707.250)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		5.185.755.279	15.231.065.747
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.641.283.404)	(64.797.313)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý II năm 2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.098.504.057	639.932.516
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.542.779.347)	575.135.203
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.144.823.235	6.580.646.589
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(23.025.427.876)	(8.925.240.334)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.140.200.000)	(962.800.000)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.600.000.000)	(11.199.972.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.620.804.641)	(14.507.365.745)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(22.977.828.709)	1.298.835.205
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		35.736.337.211	10.501.116.564
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.874.864)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		12.756.633.638	11.799.951.769

Ngày 17 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng TICCO có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản TICCO có trụ sở đặt tại 166 đường Ấp Bắc, phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 82 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

3. Cấu trúc tập đoàn

3.1 Các công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty Mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty Mẹ
1	Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô số 1, 2, 3, 4, 5, 6 khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	72,60%	72,60%

3.2 Công ty liên kết

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty Mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty Mẹ
1	Công ty Cổ phần Testco	Lô số 1, 2, 3 khu công nghiệp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20,00%	20,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng báo cáo này lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27- Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Không có chuẩn mực kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

5.1. Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

6. Bất động sản đầu tư

Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung- Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m² và 103,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

7.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

7.2. Phân loại các khoản đầu tư

- Nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty con.
- Nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư thì ghi nhận vào khoản đầu tư dài hạn khác.

7.3. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các đơn vị khác được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các đơn vị này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

9. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

12. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương định nói dài được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết và công chứng đồng thời thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua đã được hoàn tất.

13.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng

14.1 Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

14.2 Chi phí của hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài.

Giá vốn 1m² đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính đến 30/06/2013 của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nối dài, chi tiết như sau:

- Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 30/06/2013 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/06/2013 là 88.282.226.870 đồng.
Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m²
Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong quý II năm 2013 là 0 m².
- Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư đường Trương Định nối dài dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 30/06/2013 là 148.052.112.407 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 30/06/2013 là 108.650.063.312 đồng.
Tổng diện tích đất thương phẩm là 70.967,52 m²
Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong quý II năm 2013 là 3.535,5 m².

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền mặt tại quỹ	151.095.072	115.514.309
Tiền gửi ngân hàng	10.290.661.123	19.435.378.241
+ Tiền gửi VND	10.188.682.969 (1.1)	19.334.300.318
+ Tiền gửi USD	8.649.716 (1.2)	8.502.000
+ Tiền gửi EUR	93.328.438 (1.3)	92.575.923
Các khoản tương đương tiền	2.314.877.443 (1.4)	16.185.444.661
Cộng	<u>12.756.633.638</u>	<u>35.736.337.211</u>

(1.1) Bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng sau:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	8.868.973.037
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	6.507.236
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	9.776.381
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà ĐBSCL - Chi nhánh Tiền Giang	1.398.062.508
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Thị xã Gò Công	2.351.400
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	4.990.561
Cộng	<u>10.290.661.123</u>

(1.2) Tương đương 408,97 USD.

(1.3) Tương đương 3.395,49 EUR.

(1.4) Bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng sau:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	168.346.169
Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL – Chi nhánh Tiền Giang	2.146.531.274
Cộng	<u>2.314.877.443</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Phải thu khách hàng	55.285.972.256 (2.1)	79.284.050.220
Trả trước cho người bán	25.591.790.579 (2.2)	3.277.563.471

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản phải thu khác	16.613.235.856	(2.3)	19.246.505.165
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.810.315.096)	(2.4)	(3.835.531.896)
Cộng	93.680.683.595		97.972.586.960

(2.1) Trong đó các khoản phải thu các khách hàng chủ yếu sau:

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	6.932.379.252
Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO	2.344.376.758
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 9	2.475.314.834
Khách hàng mua đất KDC Long Thạnh Hưng	3.045.267.415
Ban Quản lý Dự Án Cải tạo kênh Ba Bò	289.366.513
Khách hàng mua đất KDC Mỹ Thạnh Hưng	815.875.000
Khách hàng mua đất KDC đường Trương Định nối dài	12.580.732.853
BQL Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành NN Long An	565.975.000
Ban QLDA XD CT GT Đồng Tháp	150.077.000
Ban QLDA XD CT ngành NN Đồng Tháp	411.220.600
Sở Nông Nghiệp và PTNT Trà Vinh	2.538.002.000
BQL Các DA ĐT và Xây dựng chuyên ngành NN Kiên Giang	7.618.676.000
Bê tông thương phẩm (nhiều đối tượng)	1.533.769.863
Cty TNHH MTV Khai thác CTTL Tiền Giang	2.750.490.000
TT Quản lý Khai thác CTTL Long An	1.654.747.000
Cty TNHH XD Minh Kiều	642.276.000
Cty TNHH XD TM Hiệp Hương	593.659.675
Cty TNHH Nam Sông Tiền	783.595.000
Ban Quản lý các DA XD CT GT Tiền Giang	409.704.000
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Thủy Lợi 10	3.094.000.000

(2.2) Trong đó những khoản trả trước cho các nhà cung cấp chủ yếu sau:

Công ty Sagel	115.496.500
XNTVTK-Cty CP Đ.Ô.T.Bình - Sông Đốc	165.588.000
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000
Công ty CP TV TK XD Simon	56.000.000
BBT Hỗ trợ & TĐC TX Gò Công	865.851.054
DNTN Tấn Hưng 1	40.349.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	13.777.256.653
Cty CP ĐT XD TICCO An Giang	5.224.720.000
Cty Cổ Phần Xây dựng 43	4.443.000.000
Cty Điện Nước Thiên Việt - Bình Lợi	209.000.000

(2.3) Trong đó khoản phải thu khác của các đối tượng chủ yếu sau:

Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	105.673.565
Công ty CP Đầu tư xây dựng TICCO An Giang	107.897.494
LN phải thu từ công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	6.622.552.412
LN phải thu từ công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	1.010.991.338
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	6.646.106.297

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Sở Tài chính tỉnh An Giang	416.416.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng TICC0 An Giang (Nợ gốc và lãi vay dài hạn chi hộ mua xăng thối)	1.001.552.656

(2.4) Bao gồm khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập theo các tỷ lệ:

Đối tượng	Số dư ngày 30/06/2013	Tỷ lệ (%)	Mức dự phòng đã trích lập
Trần Minh Hiếu	26.500.000	30%	7.950.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 40	737.222.750	50%	368.611.375
Đặng Thị Linh - KDC Long Thạnh Hưng	512.000.000	70%	358.400.000
Võ Trọng Kỳ	19.400.000	70%	13.580.000
Công ty TNHH TK&QC Đ.P.Nam	16.181.000	70%	11.326.700
XNTVTK-Cty CP Đ.Ô.T.Bình - Sông Đốc	165.588.000	70%	115.911.600
DNTN Tấn Hưng 1	40.349.000	70%	28.244.300
Công ty CP XD & KD vật tư - kê chống xói lở biển gành hào	321.630.568	70%	225.141.398
Bê tông thương phẩm (nhiều đối tượng)	1.533.769.863	100%	1.533.769.863
Công ty Sagel	115.496.500	100%	115.496.500
Công ty Kiến trúc P.A	50.000.000	100%	50.000.000
Công ty CP TV TK XD Simon (NMBT)	56.000.000	100%	56.000.000
Công ty CP XDGT Thủy lợi Kiên Giang	925.883.360	100%	925.883.360
Cộng	4.520.021.041		3.810.315.096

3. Hàng tồn kho

	30/06/2013		01/01/2013
Nguyên vật liệu	288.095.875		135.691.517
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	61.660.135.694	(*)	57.309.083.881
Hàng hóa	1.475.601.898		858.770.273
Cộng	63.423.833.467		58.303.545.671

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình sau:

Khu dân cư Long Thạnh Hưng	19.252.633.189
Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng	538.593.105
Khu dân cư đường Trương Định nối dài	26.921.426.413
Công trình khu nhà vườn huyện Tân Phước	2.484.643.908
Công trình khu biệt thự mẫu Long Thạnh Hưng	1.324.253.159
Khu dân cư Sông Đốc	31.468.000
Công trình Cống Sơn Đốc 2	1.558.706.364
Công trình Cửa van cống Thống Nhất 1,2, Le Le	2.023.788.288
Công trình Cống Tham Trơi	1.614.258.871

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công trình Cống Tân Quy 1.477.332.514

4. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013		01/01/2013
Chi phí trả trước ngắn hạn	60.837.991		64.250.000
Thuế GTGT được khấu trừ	-		60.000.000
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	80.063.829		-
Tài sản ngắn hạn khác	2.534.236.820	(*)	1.281.067.051
Cộng	2.675.138.640		1.405.317.051

(*) Bao gồm:

Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000
Tạm ứng	2.493.236.820
Cộng	2.534.236.820

5. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2013		01/01/2013
Phải thu dài hạn Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	25.638.141.393	(*)	30.778.741.393
Cộng	25.638.141.393		30.778.741.393

(*) Bao gồm:

Khoản vay để xây nhà máy bê tông	3.393.492.470
Phải thu tiền thanh lý tài sản	5.244.648.923
Lợi nhuận các năm công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	17.000.000.000
Cộng	25.638.141.393

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/06/2013
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.114.827.697		24.669.061	3.090.158.636
Máy móc, thiết bị	3.335.654.746	2.316.240.661	195.046.398	5.456.849.009
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.432.748.907			3.432.748.907
Thiết bị quản lý	504.321.097		176.809.279	327.511.818
Cộng	10.387.552.447	2.316.240.661	396.524.738	12.307.268.370
Giá trị hao mòn lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.411.514.289	184.328.468	24.669.061	1.571.173.696
Máy móc, thiết bị	859.920.382	506.755.586	164.399.791	1.202.276.177
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.833.638.485	197.813.521		2.031.452.006
Thiết bị quản lý	298.131.816	52.847.046	128.639.544	222.339.318
Cộng	4.403.204.972	941.744.621	317.708.396	5.027.241.197

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/06/2013
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.703.313.408			1.518.984.940
Máy móc, thiết bị	2.475.734.364			4.254.572.832
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.599.110.422			1.401.296.901
Thiết bị quản lý	206.189.281			105.172.500
	5.984.347.475			7.280.027.173

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/06/2013 đã thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty trị giá 4.621.645.189 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định đến ngày 30/06/2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.268.001.176 đồng.

7. Bất động sản đầu tư

Quyền sử dụng đất	01/01/2013	Tăng	Giảm	30/06/2013
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013		01/01/2013
Đầu tư vào công ty con	72.519.345.695	(8.1)	72.519.345.695
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	(8.2)	260.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(4.276.016.620)	(8.3)	
Cộng	68.503.329.075		72.779.345.695

(8.1) Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	38.000.000.000	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh bê tông
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	20.000.000.000	100,00%	100,00%	Thi công công trình
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng TICCO An Giang	Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	14.519.345.695	72,60%	72,60%	Thi công công trình
Cộng		72.519.345.695			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(8.2) Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty cổ phần Testco	KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	260.000.000	20,00%	20,00%	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình

(8.3) Khoản dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty TNHH MTV Xây Dựng Ticco

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được công ty ghi nhận phát sinh từ khoản trích trước chi phí thực hiện các dự án khu dân cư Long Thạnh Hưng, khu dân cư đường Trương Định nối dài và các chi phí khác, chi tiết như sau:

	Tài sản thuế hoãn lại từ các khoản chi phí trích trước
Số dư tại ngày 01/01/2013	6.372.802.369
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	(84.146.071)
Số dư tại ngày 30/06/2013	6.288.656.298

Khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập BCTC:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	15.179.875	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(99.325.946)	931.661.774
Cộng	84.146.071	931.661.774

10. Nợ ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Vay và nợ ngắn hạn	4.936.575.200 (10.1)	6.486.471.086
Phải trả người bán	28.942.422.206 (10.2)	40.222.343.742
Người mua trả tiền trước	41.689.231.922 (10.3)	19.310.179.222
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.685.778.870 (10.4)	6.398.638.466
Phải trả người lao động	1.102.509.431	3.041.149.865
Chi phí phải trả	47.067.900.561 (10.5)	47.579.649.705
Phải trả, phải nộp khác	3.127.812.529 (10.6)	6.695.681.922
Dự phòng phải trả ngắn hạn	299.584.821 (10.7)	307.044.673
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.503.614.133	3.420.475.280
Cộng	132.355.429.673	133.461.633.961

(10.1) Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 và văn bản sửa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 ngày 14 tháng 03 năm 2013:

- *Hạn mức tín dụng tối đa: 5.000.000.000 đồng;*
- *Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công sửa chữa thiết bị cơ khí;*
- *Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;*
- *Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;*
- *Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012 - tài sản thế chấp theo giá trị định giá của ngân hàng là 2.150.877.273 đồng theo Biên bản định giá ngày 22/10/2012 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 - thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*
- *Số dư tại ngày 30/06/2013 theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể sau:*

ST T	Số Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay (tháng)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Số dư tại ngày 30/06/2013
1	03/2013/HĐ	17/04/2013	331.200.000	6	17/10/2013	10,50%	331.200.000
2	04/2013/HĐ	18/04/2013	347.898.480	6	18/10/2013	10,50%	347.898.480
3	05/2013/HĐ	23/04/2013	475.360.000	6	23/10/2013	10,50%	475.360.000
4	06/2013/HĐ	14/05/2013	194.157.000	6	14/11/2013	10,00%	194.157.000
5	07/2013/HĐ	20/05/2013	374.578.243	6	20/11/2013	9,50%	374.578.243
6	08/2013/HĐ	30/05/2013	231.050.000	6	30/11/2013	9,50%	231.050.000
7	09/2013/HĐ	03/06/2013	173.811.853	6	03/12/2013	9,50%	173.811.853
8	10/2013/HĐ	11/06/2013	226.827.901	6	11/12/2013	8,00%	226.827.901
9	11/2013/HĐ	12/06/2013	75.363.000	6	12/12/2013	9,50%	75.363.000
10	12/2013/HĐ	17/06/2013	1.977.489.213	6	17/12/2013	8,00%	1.977.489.213
11	13/2013/HĐ	19/06/2013	131.442.000	6	19/12/2013	8,00%	131.442.000
12	14/2013/HĐ	24/06/2013	176.597.510	6	24/12/2013	8,00%	176.597.510
13	15/2013/HĐ	25/06/2013	220.800.000	6	25/12/2013	8,00%	220.800.000
Tổng			4.936.575.200				4.936.575.200

(10.2) *Chủ yếu là khoản phải trả cho các nhà cung cấp sau:*

<i>Công ty CP Cơ khí và Xây lắp 276</i>	<i>633.832.000</i>
<i>Cty TNHH KD & DV Tường An</i>	<i>562.448.880</i>
<i>Công ty CP công nghệ CN Intec</i>	<i>850.853.333</i>
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO</i>	<i>25.290.285.478</i>
<i>Công ty CP ĐT XD TL Lâm Đồng</i>	<i>269.500.446</i>
<i>Công ty TNHH XD Hữu Quế</i>	<i>199.998.718</i>
<i>Công ty nạo vét đường thủy 2</i>	<i>182.461.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(10.3) Chủ yếu là khoản người mua trả trước sau:

Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Trương Định nối dài	6.723.112.500
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thủy lợi 10	17.480.000.000
Khách hàng ứng trước tiền mua đất KDC Long Thanh Hưng	1.360.500.000
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Sóc Trăng	3.010.000.000
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Cà Mau	1.997.000.000
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang	4.719.111.000
Ban QLDA huyện Gò Công Tây	2.007.000.000
Ban QLDA ngành NN Tiền Giang	2.012.000.000
Cty CP cơ khí và Xây lắp 276	2.288.170.000

(10.4) Bao gồm:

Thuế thu nhập cá nhân	514.459.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.127.289.593
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.044.029.661
Cộng	2.685.778.870

(10.5) Chủ yếu là các khoản chi phí trích trước cho các công trình sau:

KDC Long Thanh Hưng	13.195.678.631
Trích trước kinh phí nghiệm thu công trình Bình Lợi	509.090.909
Chi phí ước tính KDC Trương Định giai đoạn 2	33.087.383.489
Trích trước KPNT Khu neo đậu tránh trú bão	133.244.385

(10.6) Chủ yếu là các khoản phải trả sau:

Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	1.900.423.465
Giá trị QSDĐ của các cá nhân để hoán đổi với nền đất dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài	258.999.998
Hoa hồng bán hàng	623.821.949

(10.7) Chủ yếu là khoản trích trước dự phòng chi phí bảo hành.

Số dư tại ngày 01/01/2013	307.044.673
Trích lập trong kỳ	69.748.475
Sử dụng trong kỳ	26.722.504
Hoàn nhập trong kỳ	50.485.823
Số dư tại ngày 30/06/2013	299.584.821

11. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
Vay dài hạn	9.555.800.000 (11.1)	23.886.508.755
Nợ thuê tài chính dài hạn	- (11.2)	1.140.200.000
Cộng	9.555.800.000	25.026.708.755

(11.1) Bao gồm các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng theo các hợp đồng sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Số dư 30/06/2013
Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang	01/2012/HĐ	29/08/2012	60 tháng	Mua máy cắt thép và máy chấn tole	Tài sản hình thành từ vốn vay	332.800.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang	01/2013/HĐ	11/04/2013	60 tháng	Mua máy đào Kobelco	Tài sản hình thành từ vốn vay	827.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & phát triển Việt Nam - chi nhánh Tiền Giang	02/2013/HĐ	10/06/2013	60 tháng	Mua máy chấn tole Komatsu	Tài sản hình thành từ vốn vay	560.000.000
Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - chi nhánh Tiền Giang	TD.1079.10/HĐTD	09/03/2011	21 tháng	Bổ sung vốn bồi thường, hỗ trợ dự án khu dân cư đường Trương Định nối dài.	Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường 5 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang (bao gồm các nền nhà liên kế và nền biệt thự với tổng diện tích 44.158 m ² có trị giá 89.000.000.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 25/12/2010.	7.836.000.000
Cộng						9.555.800.000

12. Vốn chủ sở hữu

(12.1) Tình hình vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	36.724.043.436	6.272.578.035	18.876.359.821
Tăng trong kỳ	-	-	4.000.000.000	819.089.167	1.774.110.588
Giảm trong kỳ	-	-			18.457.267.502 (*)
Số dư tại ngày 30/06/2013	80.000.000.000	10.700.000.000	40.724.043.436	7.091.667.202	2.193.202.907

() Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/NQĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2013, cụ thể như sau:*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Trích quỹ dự phòng tài chính	819.089.167
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.000.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.638.178.335
- Chia cổ tức năm 2012	12.000.000.000
Cộng	18.457.267.502

(12.2) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 80.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

(12.3) Cổ phiếu

	30/06/2013	31/03/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phần.

(12.4) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.729.174.712	8.869.247.596
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	1.729.174.712	8.869.247.596
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	216	1.109

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1.1. Tổng doanh thu	48.345.048.977	90.495.469.815
- Doanh thu xây dựng	20.839.178.047	17.545.992.476
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.658.177.273	66.247.174.383
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	8.703.606.659	3.402.001.279
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	7.144.086.998	3.300.301.677
- Doanh thu khác	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	307.940.545	579.581.868
- Giảm giá hàng bán	194.049.636	242.081.868
- Hàng bán bị trả lại	113.890.909	337.500.000
Doanh thu thuần	48.037.108.432	89.915.887.947
- Doanh thu xây dựng	20.645.128.411	17.309.610.608
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.658.177.273	65.909.674.383
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	8.589.715.750	3.402.001.279
- Doanh thu Xí nghiệp Cơ khí	7.144.086.998	3.294.601.677
- Doanh thu khác	-	-
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.452.279.819	2.197.253.530
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu	769.665.367	388.102.868
- Lãi cho vay	320.752.161	245.454.546
- Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	18.816.602	6.375.102
- Cổ tức, lợi tức được chia từ các công ty con	3.343.045.689	1.557.321.014
1.3. Thu nhập khác	2.414.693.331	1.531.441.140
- Thu nhập từ xử lý công nợ	2.337.882.362	-
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	120.834.600
- Hoàn nhận chi phí bảo hành công trình	-	146.756.628
- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	-	4.500.000
- Hoàn nhận chi phí trích trước chương trình	-	1.212.940.600
- Thu nhập khác	76.810.969	46.409.312
2. Giá vốn hàng bán		
	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
- Giá vốn xây dựng	19.320.013.982	17.144.884.444
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	7.375.742.423	48.293.969.458
- Giá vốn bán vật liệu xây dựng	7.371.441.869	2.687.654.118
- Giá vốn Xí nghiệp Cơ khí	5.846.971.447	2.160.892.424
Cộng	39.914.169.721	70.287.400.444
3. Chi phí tài chính		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
- Chi phí lãi vay	277.916.092	610.313.430
- Chi phí dự phòng tài chính dài hạn	4.276.016.620	636.754.578
- Chi phí tài chính khác	1.082.615.171	
Cộng	5.636.547.883	1.247.068.008
4. Chi phí bán hàng		
	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
- Chi phí nhân viên	529.549.046	391.898.753
- Chi phí vật liệu, bao bì	438.946.118	
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	5.146.362
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.307.436	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.474.108	33.887.724
- Chi phí bằng tiền khác	305.549.394	463.356.099
Cộng	1.364.826.102	894.288.938
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
- Chi phí nhân viên quản lý	2.132.897.179	2.557.567.863
- Chi phí vật liệu quản lý	162.902.069	219.117.343
- Chi phí đồ dùng văn phòng	203.901.628	195.507.826
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	354.257.268	426.609.974
- Thuế, phí và lệ phí	152.959.657	101.461.486
- Chi phí dự phòng	(25.216.800)	1.897.883.722
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	295.524.968	213.727.375
- Chi phí bằng tiền khác	2.114.353.962	1.640.819.186
Cộng	5.391.579.931	7.252.694.775
6. Chi phí khác		
	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
- Chi phạt	57.056.714	-
- Chi phí thanh lý tài sản cố định		120.834.600
- Chi phí khác		4.037.120
- Xử lý công nợ	136.000	-
Cộng	57.192.714	124.871.720

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các bên liên quan

1.1. Chi tiết giao dịch trong 6 tháng đầu năm 2013 với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
BÁN			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Lãi thuê tài chính	85.022.088
		Lãi vay	225.000.000
		XN KD VLXD bán vật liệu xây dựng	2.991.330.290
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Chi phí bảo lãnh dự thầu	105.673.565
		Chi phí gia công cơ khí	982.255.610
		Bán VLXD	2.102.224.454
		XN CK SC điện năng	14.370.888
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Lãi chậm trả phải thu	95.752.161
		Chi phí bảo lãnh dự thầu	114.212.659
MUA			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Mua bê tông	100.041.000
		Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa mua bê tông	165.703.907
		Cho thuê cần cạp	68.511.818
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	19.605.510.034
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Công ty con	Khối lượng công trình nghiệm thu	482.408.582

1.2. Chi tiết số dư tại ngày 30/06/2013 với các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/06/2013
PHẢI THU			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải thu khách hàng	8.638.141.393
		Phải thu khác	30.268.658.709
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải thu khách hàng (TS)	2.344.376.758
		Phải thu tiền bán VLXD	851.119.100
		Phải thu khác	1.116.664.903
		Gia công sản phẩm cơ khí	828.664.000
		Trả trước cho người bán	13.777.256.653
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng	Công ty con	Phải thu khách hàng	24.559.675

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư các khoản mục	Số dư tại ngày 30/06/2013
TICCO An Giang		Phải thu khác	1.109.450.150
PHẢI TRẢ			
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Công ty con	Phải trả người bán (mua bê tông đúc sẵn)	113.699.731
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Công ty con	Phải trả người bán (công trình)	25.389.942.157
		Phải trả người bán (thuê ca máy)	37.167.559

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán. Số liệu 6 tháng đầu năm 2013 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được so sánh với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của 6 tháng đầu năm 2012 đã được kiểm toán soát xét.

Tiền Giang, ngày 17 tháng 07 năm 2013

Người lập biểu



LÊ MỸ PHƯỢNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SƠN

Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN